

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2024

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-CAF**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động: thời hạn hoạt động của quỹ không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2024: 8.345.966,62 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFVN-CAF sửa đổi, bổ sung lần thứ ba đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua vào ngày 24/04/2024.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ DFVN-CAF được trình bày chi tiết tại Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 ký ngày 24/04/2024 đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

https://dfvn.com.vn/sites/default/files/info_disclosure_doc/Nghi%20quyet%20Dai%20hoi%20Nha%20dau%20tu%20Thuong%20nien%20Nam%20Tai%20chinh%202023_DFVN-CAF_2.pdf

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 24/04/2024, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF năm 2024:
 - ✓ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/tháng/người;
 - ✓ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm 2024 là 180.000.000 VNĐ.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2024 của Quỹ DFVN-CAF;

- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:
 - ✓ Ban Đại diện Quỹ được quyết định thay đổi (tăng, giảm) mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ nhưng không vượt quá mức $1,5\% * NAV/năm$ như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-CAF (Điều 61.1);
 - ✓ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định được Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin theo quy định, phù hợp với nội dung được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện;
 - ✓ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ;
 - ✓ Ban Đại diện Quỹ được tối đa hai (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị Quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.
- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF.

9. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

| Cơ cấu tài sản quỹ | 31/12/2024 (%) | 31/12/2023 (%) | 31/12/2022 (%) |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Cổ phiếu niêm yết | 95,58 | 94,13 | 93,00 |
| 2. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3,92 | 5,32 | 6,27 |
| 3. Tài sản khác | 0,50 | 0,55 | 0,73 |
| Cộng | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

- Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

| Ngành | DFVN-CAF | | |
|----------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2024 (%) | 31/12/2023 (%) | 31/12/2022 (%) |
| Tài chính | 37,19 | 38,22 | 31,21 |
| Bất động sản | 3,76 | 6,82 | 3,56 |
| Hàng tiêu dùng | 11,03 | 10,46 | 14,05 |
| Bán lẻ | 7,30 | 3,09 | 4,40 |

| | | | |
|---------------------|---------------|---------------|---------------|
| Công nghiệp | 6,91 | 3,27 | 8,49 |
| Công nghệ thông tin | 12,82 | 11,93 | 6,37 |
| Tiền mặt | 3,91 | 3,41 | 6,71 |
| Vật liệu xây dựng | 12,54 | 17,25 | 16,14 |
| Tiện ích | 1,25 | 3,38 | 6,30 |
| Năng lượng | 3,29 | 2,17 | 2,76 |
| Tổng cộng | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND) | 134.335.029.090 | 161.351.154.608 | 132.813.824.473 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) | 16.095,80 | 13.891,27 | 12.299,93 |
| Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 8.345.966,62 | 11.615.286,07 | 10.797.931,20 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ) | 16.473,81 | 14.664,51 | 16.789,71 |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ) | 13.890,48 | 12.298,45 | 11.501,69 |

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

| Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND) | 31/12/2024 | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|--|----------------|-----------------|------------------|
| Tổng thu nhập của Quỹ | 21.522.740.227 | 21.916.099.082 | (37.607.055.577) |
| <i>Cổ tức được chia trong kỳ</i> | 2.899.198.600 | 3.464.292.400 | 2.923.479.800 |
| <i>Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư</i> | 15.569.475.517 | (3.001.885.934) | (9.375.643.099) |
| <i>Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện</i> | 2.800.753.433 | 21.298.363.734 | (31.267.791.791) |
| <i>Các khoản thu nhập khác trong kỳ</i> | 253.312.677 | 155.328.882 | 112.899.513 |
| Tổng chi phí của Quỹ | 3.200.454.428 | 4.102.539.800 | 3.999.149.741 |
| Tổng lợi nhuận của Quỹ | 18.322.285.799 | 17.813.559.282 | (41.606.205.318) |

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

| CHỈ TIÊU | Năm 2024 (%) | Năm 2023 (%) | Năm 2022 (%) |
|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ | 1,07 | 1,50 | 1,50 |
| Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ | 0,38 | 0,30 | 0,30 |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ | 0,22 | 0,19 | 0,21 |
| Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ | 0,13 | 0,11 | 0,11 |
| Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ | 0,14 | 0,12 | 0,12 |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ | 2,53 | 2,76 | 2,77 |
| Tốc độ vòng quay danh mục | 237,35 | 213,79 | 192,58 |

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: không có

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

| Tổng lợi nhuận 3 năm gần nhất (VND) | Năm 2024 | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------------|-----------------|------------------|
| | 18.322.285.799 | 17.813.559.282 | (41.606.205.318) |

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ từ ngày thành lập quỹ tính tới ngày lập báo cáo: 8.126.635.435 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

| Chỉ tiêu | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | | |
|---|---|------------------|-----------------|
| | 2024 | 2023 | 2022 |
| 1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) | | | |
| <i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i> | 116.152.860.700 | 107.979.312.000 | 94.597.894.500 |
| <i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i> | 11.615.286,07 | 10.797.931,20 | 9.459.789,45 |
| 2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) | | | |
| <i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i> | 5.969.135,27 | 2.105.828,97 | 2.009.317,97 |
| <i>Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i> | 59.691.352.700 | 21.058.289.700 | 20.093.179.700 |
| <i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)</i> | (9.238.454,72) | (1.288.474,10) | (671.176,22) |
| <i>Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i> | (92.384.547.200) | (12.884.741.000) | (6.711.762.200) |
| 3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) | | | |
| <i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)</i> | 83.459.666.200 | 116.152.860.700 | 107.979.312.000 |
| <i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)</i> | 8.345.966,62 | 11.615.286,07 | 10.797.931,20 |
| 4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%) | 49,68 | 65,01 | 69,94 |
| 5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%) | 54,22 | 67,33 | 71,82 |
| 6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%) | 42,35 | 60,27 | 64,83 |
| 7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ | 2.675 | 1.749 | 1.097 |
| 8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND) | 16.095,80 | 13.891,27 | 12.299,93 |

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

4. **Khuyến cáo:** Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có

nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: *(thuyết minh này được trình bày tại báo cáo hàng năm của quỹ.)*

Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường và bắt đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt trong những năm gần đây

Thị trường chứng khoán năm 2024 đạt tỷ suất sinh lợi trung bình, hơn 12,1%, trong đó tăng trưởng mạnh trong 6 tháng đầu năm, trong 6 tháng cuối năm thị trường có xu hướng đi ngang và giao động trong biên độ hẹp là chủ yếu. Khi các áp lực từ các sự kiện địa chính trị, rủi ro tỷ giá và xu hướng rút ròng của nhà đầu tư nước ngoài cân bằng với các yếu tố cơ bản trong nước về tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp, kỳ vọng nâng hạng của thị trường. Tuy nhiên, chưa có các động lực cho thị trường bứt phá tăng trưởng mạnh trong năm, do đó nhìn chung mức tăng trưởng 12.1% so với năm 2023 được cho là khá tích cực nếu so với các thị trường khác trong khu vực.

Quỹ cũng đã có những hoạt động cơ cấu danh mục đầu tư, tiếp tục tập trung lựa chọn các cổ phiếu cơ bản và giá trị nhưng cũng có mức giảm giá theo thị trường để khi phục hồi thì mức độ đạt nhanh hơn. Do đó Quỹ có mức tăng trưởng lợi nhuận (performance) đạt 15,87% tốt hơn một chút so với chỉ số VN-index.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị);



(Ghi chú: Quỹ hoàn tất giải ngân từ ngày 31/01/2019)

| 31/12/2024 | 6 Tháng | 9 Tháng | YTD 2024 | 2023 | 2022 | 2021 | 2020 | Từ lúc giải ngân (10/01/2019) |
|-----------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|--------------|-------------------------------|
| DFVN-CAF | 0.98% | 0.24% | 15.87% | 12.94% | -25.10% | 30.05% | 20.98% | 60.96% |
| VN-Index | 1.72% | -1.35% | 12.11% | 12.20% | -32.78% | 35.73% | 14.87% | 41.02% |
| VN100 | 3.62% | 2.26% | 16.48% | 18.17% | -36.62% | 47.94% | 21.56% | 61.61% |
| So với VNIndex | -0.74% | 1.59% | 3.76% | 0.74% | 7.68% | -5.68% | 6.11% | 19.94% |

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
- Có tình trạng tài chính lành mạnh
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thị trường chứng khoán tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong năm 2024. Điều này cho thấy ngoài phản ánh sự phục hồi của nền kinh tế, thị trường chứng khoán còn được hưởng lợi từ môi trường lãi suất được duy trì hợp lý và thanh khoản dồi dào thông qua tăng trưởng tín dụng. Bên cạnh đó tâm lý nhà đầu tư cũng chuyển biến tích cực hơn khi môi trường vĩ mô ổn định, kỳ vọng lợi nhuận của doanh nghiệp tiếp tục cải thiện.

Trong năm 2024, Quỹ tiếp tục duy trì mức tăng cao hơn chỉ số tham chiếu VN-index nhờ tăng mạnh tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, có tình hình tài chính lành mạnh, thanh khoản cao như VCB, ACB, CTG, FPT, HPG, VNM..., đồng thời chủ động cơ cấu danh mục một cách linh hoạt theo các biến động ngắn hạn của thị trường. Ngoài ra, Quỹ không đầu tư vào các cổ phiếu mang tính chất đầu cơ, rủi ro cao.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị

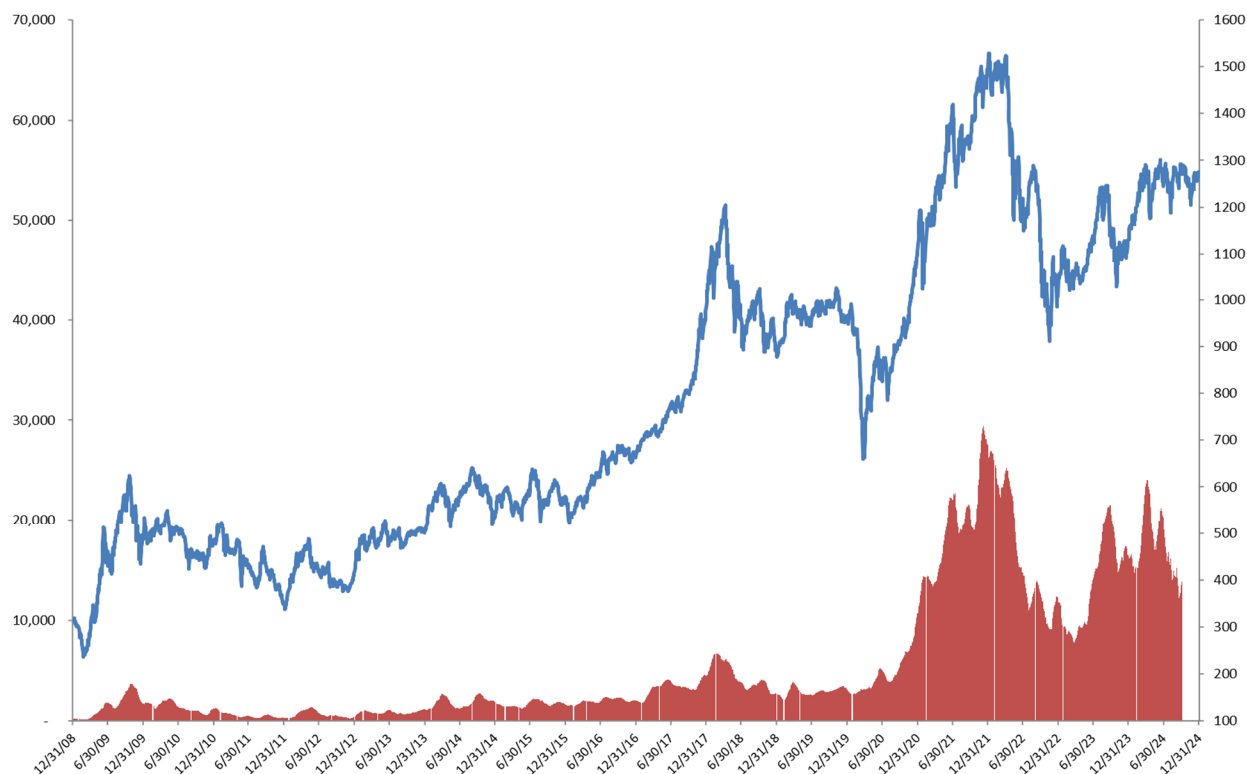
quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31/12/2024 đạt 16.095,80 tăng 15,87% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2023 là 13.891,27. Mức tăng này phản ánh sự phục hồi của thị trường khi kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục được cải thiện. Ngoài ra, mức tăng này cũng thúc đẩy bởi chính sách tiền tệ nới lỏng bất chấp các sức ép từ tỷ giá, khi hệ thống tín dụng tăng trưởng cho vay đạt 15% và lãi suất duy trì mức hợp lý. Đồng thời các rủi ro tiềm ẩn như lạm phát và tỷ giá dần được giữ ổn định, tâm lý các nhà đầu tư được cải thiện tích cực hơn.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: *cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).*

Quỹ tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Nhìn chung thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024 tăng trưởng khá tích cực bất chấp nhiều khó khăn trải qua trong năm, tính chung cả năm Vn-index tăng 12,1% so với cuối năm 2023,

thuộc nhóm thị trường tăng trưởng mạnh so với các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á. Trong nửa đầu năm 2024 thị trường có thời điểm tăng mạnh hơn 15%. Tuy nhiên thị trường trong các tháng cuối năm 2024 giảm điêm so với thời điểm quý 2 phản ánh tâm lý thận trọng hơn của các nhà đầu tư trước các rủi ro của thị trường, đặc biệt là rủi ro về tỷ giá. Chỉ số VN-index đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng 31 tháng 12 năm 2024 đạt gần 1.267 điểm từ mức 1.130 của cuối năm 2023. Số liệu của HOSE cho thấy vốn hóa thị trường đến cuối năm là hơn 214,3 tỷ USD, gần 45% so với quy mô GDP hiện hành năm 2024. Thanh khoản của thị trường trong năm cũng tăng khá tốt, giá trị giao dịch bình quân tăng lên hơn 18.600 tỷ đồng/phiên từ mức 15.200 tỷ đồng/phiên của năm 2023, tăng hơn 22%. Tuy nhiên các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục rút ròng kỷ lục ra khỏi thị trường, với tổng giá trị rút ròng hơn 93.000 tỷ (so với mức rút ròng 24.600 tỷ đồng của cả năm 2023).

Trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn có nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể được cải thiện, chính sách kích cầu, giảm gánh nặng thuế, phí đã được Chính phủ tiếp tục triển khai. Chính sách tiền tệ được nói lỏng có thể dư địa không còn lớn nhưng vẫn là mục tiêu chính của nhà điều hành. Đặc biệt là kỳ vọng vào chính sách tài khóa mở rộng với các dự án đầu tư công dự kiến triển khai trong thời gian tới, làm động lực lan tỏa cho các khu vực khác của nền kinh tế. Bên cạnh đó kỳ vọng nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm tới sẽ thu hút dòng vốn ngoại quay trở lại thị trường. Tuy nhiên, vẫn còn những rủi ro liên quan đến tỷ giá, hay xung đột thương mại quốc tế có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây cũng như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, thị trường chứng khoán sẽ dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại cùng với triển vọng tích cực hơn thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá ổn định trong dài hạn (dù có vài thời điểm và sự kiện đặc biệt làm tỷ giá biến động mạnh nhưng chỉ trong thời gian khá ngắn), tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước trên chu kỳ kinh tế đi lên.

Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (chỉ số giá trên thu nhập P/E thấp hơn mức trung bình trong nhiều năm qua, và hấp dẫn hơn so với các thị trường khu vực trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, mức sinh lời trên tài sản ROA khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong những năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công; (ii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iii) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (iv) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn.

Trong ngắn hạn chúng tôi vẫn khuyến nghị thận trọng với những rủi ro trên thế giới có thể chưa lường trước được và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế Việt Nam: các bất ổn địa chính trị giữa các quốc gia, xu hướng thương mại quốc tế và ảnh hưởng biến đổi khí hậu... là những ẩn số khó dự báo. Bên cạnh đó là tăng trưởng kinh tế suy giảm tại một số đối tác xuất nhập khẩu lớn của Việt Nam như Châu Âu và Trung Quốc. Đối với trong nước, rủi ro thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp và nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa đo lường hết quy mô ảnh hưởng, trong khi đó cầu tiêu dùng phục hồi với tốc độ mức thấp, rủi ro tỷ giá luôn thường trực. Do đó việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng như mục tiêu hiện nay được đánh giá là nhiệm vụ khá thách thức cho Chính Phủ.

Đánh giá chung, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian dài hạn sắp tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục phục hồi dần và khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về tác động từ các rủi ro từ bên ngoài không quá lớn, lạm phát và tỷ giá kiểm soát tiếp tục ổn định, rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại vẫn trong tầm kiểm soát.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

l) Các thông tin khác (nếu có): *không có*

VI. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có thay đổi ngân hàng giám sát trong kỳ báo cáo.
- b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Tài sản của quỹ được lưu ký tại ngân hàng giám sát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- d) Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã có quy trình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2024:

| Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền | Tỷ lệ so với lợi nhuận (%) | Tỷ lệ so với thu nhập (%) | Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động (%) |
|--|----------------------------|---------------------------|---|
| Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở | 0,79 | 0,67 | 4,54 |
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 0,72 | 0,61 | 4,12 |

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): *Không có*

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Công Ty TNHH MTV

Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Tổng Giám đốc

Trần Châu Danh